

Bản án số: 14/2018/KDTM-PT
Ngày 20 tháng 11 năm 2018
“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Hoàng Anh

Ông Trương Văn Tâm

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nông Thị Tình - Cán bộ tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Lê – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18/8/2017, 20/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại số: 05/2017/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 05 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T (nay là thị xã M) bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐPT-KDTM ngày 03/7/2017; quyết định hoãn phiên tòa số 06/2017/QĐ-PT ngày 25/7/2017; quyết định tạm ngừng phiên tòa số 15/2017/QĐPT-KDTM ngày 18/8/2017; thông báo số 01/TB-TA ngày 30/10/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng K.

Địa chỉ trụ sở: Đường B, phường H, quận K, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A - Chủ tịch hội đồng quản trị;

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình H, chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng K; địa chỉ đường T, phường N, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền ngày 09/7/2018 có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1977; địa chỉ: tổ N, khu phố V, thị trấn M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chỗ ở hiện nay: Tổ H, khu phố Y, thị trấn M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lương Thị Kim Y, sinh năm 1974; địa chỉ: tổ H, khu phố Y, thị trấn M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Ông Huỳnh Hữu H1, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Kim D1, sinh năm 1962; cùng địa chỉ: khu vực X, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp của ông H1, bà D1: Ông Võ Quang V, sinh năm 1975; địa chỉ: đường E, phường O, quận C, thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền 09/4/2015, có đơn xin vắng mặt).

3. Ông Huỳnh Minh P, sinh năm 1984; địa chỉ: khu vực X, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

4. Ông Huỳnh Đăng K1, sinh năm 1986; địa chỉ: khu vực X, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm 1976; địa chỉ: Đường G, phường O, quận C, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và quá trình tố tụng, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/5/2011, Ngân hàng K đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 00790/HĐTD/TH-TN/TCB-BLN cho ông Nguyễn Văn D vay 2.800.000.000đ, thời hạn vay 300 tháng, lãi suất linh động. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 111, tờ bản đồ số 8-1, diện tích 2.072,9m² tọa lạc tại khu vực X, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An và tài sản trên đất là căn nhà có diện tích 164,71m², kết cấu cột bê tông cốt thép, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 00790/HĐTC-BĐS/TCB-BLN ngày 02/6/2011. Ngày 03/6/2011, hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 00790, theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng thì hàng tháng ông D phải trả lãi suất là 9.334.000đ, tháng cuối cùng trả lãi là 9.134.000đ thời gian trả là ngày 03 hàng tháng tính trên dư nợ thực tế nhân với lãi suất trong từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông D không trả nợ đúng cam kết, tính đến ngày 22/10/2014 ông D còn nợ tiền gốc là 2.790.666.000đ và tiền lãi là 2.571.899.042đ.

Nay, Ngân hàng K đề nghị Tòa buộc ông D phải trả toàn bộ tiền nợ gốc và lãi nêu trên cùng khoản lãi phát sinh từ ngày 23/10/2014 tính trên số dư nợ thực tế cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp ông D không trả được nợ thì đề nghị Tòa cho phát mãi tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ.

Đối với bà Lương Kim Y không ký hợp đồng tín dụng vay tiền nên đại diện Ngân hàng K có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Y. Tuy nhiên, do bà Y có ký hợp đồng ủy quyền tài sản và ký hợp đồng thế chấp cho ông D vay tiền nên đề nghị Tòa xác định bà Y là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn, ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ngày 31/5/2011 giữa ông D và Ngân hàng K có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp như ngân hàng đã trình bày.

Về việc thực hiện hợp đồng, do làm ăn khó khăn nên ông D không có khả năng trả nợ. Tính đến ngày 22/10/2014 ông D còn nợ tiền gốc là 2.790.666.000đ và tiền lãi là 2.571.899.042đ, tổng cộng là 5.362.565.042đ. Ông đồng ý để ngân hàng phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

Bà Lương Kim Y (vợ ông D) đã ủy quyền cho ông D trình bày như ông D đã trình bày và không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Đại diện ủy quyền của ông Huỳnh Hữu H1 và bà Nguyễn Thị Kim D1 là ông Võ Quang V trình bày: Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 8-1 và căn nhà trên đất tọa lạc tại khu vực X, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An ông H1, bà D1 đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kim N1 bằng giấy viết tay. Việc chuyển nhượng nhà và quyền sử dụng đất ông H1, bà D1 thực hiện theo yêu cầu của bà N1 (ông D đứng tên dùm). Lý do để ông D đứng tên dùm là do bà N1 và ông D có quan hệ kinh doanh sắt thép, mặt khác do chưa trả đủ tiền chuyển nhượng nên bà N1 vẫn để cho gia đình ông H1, bà D1 ở trên đất. Sau khi sang nhượng ông H1, bà D1 có xây thêm trên đất 01 nhà xưởng, 01 quán cà phê; ngoài ra trên đất còn một số công trình phụ và 07 ngôi mộ của gia đình ông H1, bà D1.

Toàn bộ việc ông D vay ngân hàng và thế chấp tài sản ông H1, bà D1 không liên quan và không có yêu cầu gì.

- Ông Huỳnh Minh P trình bày: Ông là con ruột của ông H1, bà D1, nhà và đất nêu trên có nguồn gốc của ông bà nội ông để lại cho cha mẹ ông là ông H1, bà D1, hiện ông đang sống trên căn nhà ông D đã thế chấp cho ngân hàng nêu trên. Ông không biết ông H1, bà D1 chuyển nhượng nhà đất trên cho ông D, bà Y và ông cũng không biết việc vay mượn, thế chấp của ông D, bà Y. Ông không có ý kiến gì vì theo ông đó là quyền của cha mẹ, ông không có yêu cầu gì.

- Bà Nguyễn Thị Kim N1: Tòa án đã tiến hành xác minh nhưng hiện không biết địa chỉ của bà N1 nên không ghi được ý kiến.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà trình bày: Thửa đất ông D thế chấp bà mua lại của bà D1 ông H1 nhưng chưa trả đủ tiền và không sang tên bà mà nhờ ông D đứng tên dùm. Lý do bà nhờ ông D đứng tên là do bà và ông D có những hợp đồng làm ăn qua lại. Do không có đủ tiền để ký hợp đồng mua bán sắt nên đưa đất cho ông D đứng tên dùm. Ông D nói bà nhờ đứng tên dùm để thế chấp vay tiền cho bà làm ăn là không đúng. Bà không nhận tiền ông D vay. Nay, ngân hàng phát mãi tài sản của bà là không đúng.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 20/01/2017 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã áp dụng Điều 30, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 320, 321, 322, 323 Bộ luật dân sự; Điều 306 Luật thương mại, tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng K đối với yêu cầu khởi kiện bà Lương Kim Y trả tiền nợ vay ngân hàng.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng K đối với yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn D.

Buộc ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng K theo Hợp đồng tín dụng số 00790/HĐTD/TH-TN/TCB-BLN ngày 31/5/2011 tính đến ngày 18/01/2017 tổng số tiền là 5.126.225.387đ; trong đó nợ gốc vay là 2.790.666.000đ, nợ lãi suất trong hạn là 13.410.000đ, lãi suất quá hạn là 2.322.149.387đ và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo quy định của hợp đồng kể từ ngày 19/01/2017 cho đến khi ông D trả hết nợ.

Trường hợp ông D không trả được số nợ nêu trên thì ngân hàng có quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 111, tờ bản đồ số 8-1, diện tích 2.072,9m² tọa lạc tại khu vực X, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An và tài sản trên đất là căn nhà có diện tích 164,71m², kết cấu cột bê tông cốt thép, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 00790/HĐTC-BĐS/TCB-BLN ngày 02/6/2011.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên chi phí thẩm định, án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01 tháng 03 năm 2017, bà Nguyễn Thị Kim D1 làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà D1 và bà N1.

Ngày 01 tháng 03 năm 2017, ông Huỳnh Hữu H1 làm đơn kháng cáo yêu cầu tòa Phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông H1 và bà N1.

Ngày 06 tháng 03 năm 2017, bà Nguyễn Thị Kim N1 làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm vì bản án vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không đúng sự thật khách quan, phiên diện, chưa xem xét hết toàn bộ sự thật vụ án và xử thiên vị cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị Kim N1, bà Nguyễn Thị Kim D1, ông Huỳnh Hữu H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Ngân hàng K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*** Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:** Việc tuân theo pháp luật: Những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, do ông D bà Y vẫn đứng tên hợp pháp trên giấy tờ đất nên việc Ngân hàng nhận thế chấp là phù hợp quy định pháp luật, tuy nhiên trên đất có phần đất mộ nên không được phép phát mãi mà cần tách ra và trừ đường đi cho thân nhân đi vào hương khói. Đối với việc mua bán đất giữa bà N1 và vợ chồng bà D1 ông H1 nếu phát sinh tranh chấp thì các đương sự được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của vợ chồng ông H1, bà D1; không chấp nhận đơn kháng cáo của bà N1; sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 20/01/2017 của TAND huyện T liên quan đến phát mãi tài sản thế chấp liên quan đến phần đất có mộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim N1, bà Nguyễn Thị Kim D1, ông Huỳnh Hữu H1 nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ; Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo nêu trên như sau:

[3] Về tố tụng: Các đương sự vắng mặt đã có ủy quyền, đã được tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiếp tục xét xử.

[4] Sau khi tạm ngừng phiên tòa để đo vẽ, xác định diện tích, vị trí các ngôi mộ trên đất Tòa án đã gửi bản vẽ cho các đương sự. Ngày 13/11/2018 bà Nguyễn Thị Kim D1 có đơn khiếu nại cho rằng khi đo vẽ không có sự chứng kiến của gia đình Bà. Căn cứ biên bản đo đạc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An thể hiện bà D1 và gia đình bà có mặt và Bà có ký tên vào biên bản. Sau khi nhận được kết quả đo đạc Bà không yêu cầu đo vẽ lại, do đó không chấp nhận khiếu nại của Bà.

[5] Ngày 13/11/2018, ông Võ Quang V đại diện ủy quyền của bà D1 ông H1 có đơn xin tạm đình chỉ vụ án tuy nhiên lý do tạm đình chỉ không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Xét Hợp đồng tín dụng số 00790/HĐTD/TH-TN/TCB-BLN ngày 31/5/2011 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 00790/HĐTC-BDS/TCB-BLN ngày 02/6/2011 giữa Ngân hàng K với ông Nguyễn Văn D đều bảo đảm về mặt hình thức và nội dung theo quy định của pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng ông D đã được Ngân hàng K giải ngân và nhận đủ tiền vay theo hợp đồng. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông D đã không thực hiện việc thanh toán trả nợ theo quy định. Ông D trình bày do làm ăn thua lỗ nên không thể thanh toán cho Ngân hàng K đúng thời hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì ông D và Ngân hàng đã chót nợ gốc và lãi là 5.126.225.387đ. Trường hợp ông D không trả được nợ thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, ông D cũng đồng ý và không kháng cáo.

[7] Bà Nguyễn Thị Kim N1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nhưng lại không nêu được vi phạm cụ thể nào. Bà N1 còn cho rằng cấp sơ thẩm xét xử không đúng sự thật khách quan, phiến diện, chưa xem xét hết toàn bộ sự thật vụ án và xử thiên vị cho nguyên đơn thì thấy rằng bà N1 không

đứng tên giấy tờ đất mà ông D thế chấp, không vay Ngân hàng K do đó việc cấp sơ thẩm giải quyết các hợp đồng nêu trên là đúng quy định của pháp luật. Qua xem xét đơn kêu cứu, bà N1 trình bày ông D chỉ đứng tên dùm bà N1 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ đó không phải tài sản của ông D mà là tài sản của bà N1 nhận chuyển nhượng của vợ chồng em gái là bà D1 và ông H1. Trong quá trình tố tụng bà N1 không cung cấp được chứng cứ cho Tòa án về việc Bà là chủ sở hữu hợp pháp của thửa đất nêu trên, không có yêu cầu độc lập và cũng không tham gia phiên tòa sơ thẩm để trình bày mặc dù được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà N1. Trường hợp bà N1 có đủ căn cứ chứng minh ông D đứng tên dùm thửa đất nêu trên thì Bà có quyền khởi kiện ông D bằng vụ kiện khác.

[8] Bà Nguyễn Thị Kim D1, ông Huỳnh Hữu H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về việc tổng đạt cho Ông Bà qua xem xét hồ sơ thì thấy cấp sơ thẩm đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông H1, bà D1, con của bà D1 trực tiếp, qua đường bưu điện, qua niêm yết tại nơi cư trú và chính quyền địa phương, thông qua người đại diện mà bà D1, ông H1 ủy quyền. Do đó cấp sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng.

Còn về thửa đất số 111 tờ bản đồ 8-1 và tài sản trên đất thì gia đình bà D1 đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kim N1, sau đó bà N1 đã chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông D nhưng khi làm thủ tục sang tên thì bà D1, ông H1 không sang tên cho bà N1 mà theo yêu cầu của bà N1 đã sang tên cho ông D. Việc sang tên này đều được sự đồng ý của bà N1, vợ chồng bà D1, ông H1 và ông D vì vậy hợp đồng này đúng quy định của pháp luật.

Bà D1, ông H1 trình bày đất cấp cho hộ gia đình, ngoài vợ chồng bà D1, ông H1, các con của Ông Bà còn có chị gái ông H1 nhưng không cung cấp cho tòa chứng cứ chứng minh. Bà D1 ông H1 cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H1, bà D1 với ông D vô hiệu nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tại tòa sơ thẩm Ông Bà không yêu cầu độc lập nên không thuộc thẩm quyền của Tòa phúc thẩm.

[9] Bà D1, bà N1 trình bày trên diện tích đất nêu trên có khu mộ của gia tộc đề nghị xem xét. Các đương sự thừa nhận có mộ, cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ và chưa xử lý các ngôi mộ. Qua thẩm định thì trên đất có khu mộ nên chấp nhận yêu cầu này của bà N1, bà D1, ông H1. Căn cứ Mạnh trích đo địa chính số 121-2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Long An ngày 18/10/2018 cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm như sau: Trường hợp ông D không trả được nợ thì Ngân hàng K có quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 111, tờ bản đồ số 8-1, diện tích 1701,6m² tọa lạc tại khu vực X, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An và tài sản trên đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số 00790/HĐTC-BDS/TCB-BLN ngày 02/6/2011 (đã trừ diện tích đất mộ 297.4m²) và người sử dụng diện tích đất trên phải chừa đường đi vào khu mộ để thân nhân những ngôi mộ vào thăm viếng hàng năm.

[10] Bà N1, bà D1, ông H1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

[11] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim N1, bà Nguyễn Thị Kim D1, ông Huỳnh Hữu H1. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 20/01/2017 Tòa án nhân dân huyện T (nay là thị xã M) như sau:

Áp dụng Điều 30, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 320, 321, 322, 323 Bộ luật dân sự; Điều 306 Luật thương mại, tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng K đối với yêu cầu khởi kiện bà Lương Kim Y trả tiền nợ vay ngân hàng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng K đối với ông Nguyễn Văn D.

Buộc ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng K theo Hợp đồng tín dụng số 00790/HĐTD/TH-TN/TCB-BLN ngày 31/5/2011 tính đến ngày 18/01/2017 tổng số tiền là 5.126.225.387 (*năm tỷ, một trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm tám mươi bảy*) đồng; trong đó nợ gốc vay là 2.790.666.000 (*hai tỷ, bảy trăm chín mươi triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn*) đồng, nợ lãi suất trong hạn là 13.410.000 (*mười ba triệu, bốn trăm mười nghìn*) đồng, lãi suất quá hạn là 2.322.149.387 (*hai tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm tám mươi bảy*) đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo quy định của hợp đồng kể từ ngày 19/01/2017 cho đến khi ông D trả hết nợ.

Trường hợp ông D không trả được số nợ nêu trên thì Ngân hàng K có quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 111, tờ bản đồ số 8-1, diện tích 1701,6m² tọa lạc tại khu vực X, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An và tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 00790/HĐTC-BĐS/TCB-BLN ngày 02/6/2011 (trừ diện tích đất mộ 297.4m²) và phải chừa đường đi vào khu mộ để thân nhân vào thăm viếng hàng năm.

Vị trí, diện tích thửa đất theo Mạnh trích đo địa chính số 121-2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Long An ngày 18/10/2018 kèm theo bản án.

3. Án phí, chi phí Tòa án.

- Chi phí thẩm định, đo vẽ: Buộc ông Nguyễn Văn D phải nộp 24.764.889 (*hai mươi bốn triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, tám trăm tám mươi chín*) đồng, số tiền này Ngân hàng K đã nộp đủ. Buộc ông D phải hoàn trả cho Ngân hàng 24.764.889 (*hai mươi bốn triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, tám trăm tám mươi chín*) đồng.

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn D phải nộp 113.126.200 (*một trăm mười ba triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, hai trăm*) đồng. Ngân hàng K không phải nộp, hoàn lại cho Ngân hàng 51.875.000 (*năm*

mười một triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 019165 ngày 28/11/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T (nay là thị xã M), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim N1, bà Nguyễn Thị Kim D1, ông Huỳnh Hữu H1 không phải nộp. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim N1 2.000.000 (*hai triệu*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0006241 ngày 05/4/2017 và số 0005128 ngày 26/4/2017; hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim D1 2.000.000 (*hai triệu*) đồng đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0006221 ngày 31/3/2017 và số 0005126 ngày 26/4/2017; hoàn trả cho ông Huỳnh Hữu H1 2.000.000 (*hai triệu*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0006220 ngày 31/3/2017 và số 0005127 ngày 26/4/2017 đều của Chi cục thi hành án dân sự huyện T (nay là thị xã M), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 20/11/2018).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BRVT.
- TAND TX. M.
- THADS TX. M.
- Các đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương Bắc

Nơi nhận